

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/DS-ST
Ngày: 16 – 9 – 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2022, về Tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thúy N (L), sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1974 và chị Trương Thị Thảo D (con gái Bà T), sinh năm 1994, cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, Biên bản hòa giải ngày 18/5/2022 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Thúy N trình bày:*

Nguyên bà có tham gia 3 dây hụi, do Bà Võ Thị Bích T làm chủ hụi, chị Trương Thị Thảo D (con gái Bà T) gom hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 20/6/2020 âm lịch, có 22 phần, bà tham gia 01 phần (đề tên trong danh sách hụi là L), đến ngày

20/11/2021 âm lịch, bà đóng hui lần thứ 17, Bà T bề hui, nên bà không đóng nữa. Bà đóng tiền hui sống được 17 lần x 5.000.000 đồng = 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu). Dây hui này bà yêu cầu Bà T trả lại 85.000.000 đồng.

Dây 2: Hui tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/11/2020 âm lịch, có 21 phần, bà tham gia 01 phần (để tên L), hui khui đến lần thứ 14, ngày 10/12/2021, thì bị bề nên bà không đóng nữa. Bà đóng tiền hui sống được 13 lần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Dây hui này bà yêu cầu Bà T trả lại 65.000.000 đồng.

Dây 3: Hui nửa tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/4/2021 âm lịch (khui vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng), có 40 phần, bà tham gia 01 phần (để tên C. L), đến ngày 10/12/2021 âm lịch bà đóng hui lần thứ 17, Bà T bề hui, nên bà không đóng nữa. Bà đóng tiền hui sống được 17 lần x 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Dây hui này bà yêu cầu Bà T trả lại 17.000.000 đồng.

Những lần khui hui xong, con Bà T là chị D đi gom hui, bà đều đóng đầy đủ và đúng hạn.

Đến 20/12/2021 âm lịch, nghe tin Bà T lấy danh nghĩa hui viên để hót hui nhằm chiếm đoạt tiền của hui viên, bà cùng một số hui viên có đến nhà, thì Bà T nói con gái bà là chị D đã lấy tên một số hui viên hót hết các phần hui mà các hui viên đã tham gia và tuyên bố bề hui, sau đó Bà T hứa sẽ trả lại phần tiền hui viên đã đóng, đến ngày 10/01/2022 âm lịch Bà T bỏ đi khỏi địa phương, ngày 22/2/2022 âm lịch Bà T về nhà nhưng khóa cửa không tiếp xúc, nhằm trốn tránh trả nợ. Đến ngày 13/3/2022 âm lịch, bà và một số hui viên đến đòi lại tiền hui đã đóng thì Bà T hứa sẽ giao phần đất ngang 5m tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (sát nhà Bà T) để trừ nợ. Nhưng đến ngày 18/3/2022 âm lịch, khi các hui viên đến để Bà T thực hiện lời hứa thì Bà T nói phần đất trên bà đã thế chấp ngân hàng, giờ bà không trả, thách thức bà và các hui viên đi kiện. Nhận thấy, Bà T không có thành ý muốn trả nợ, mà còn có những lời thách thức các hui viên đi thưa kiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc Bà Võ Thị Bích T và chị Trương Thị Thảo D (con gái Bà T) có trách nhiệm trả lại bà số tiền hui đã đóng, tổng cộng là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng), không cần tính lãi.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022 và Biên bản hòa giải ngày 18/5/2022, bị đơn Bà Võ Thị Bích T và bà Trương Thị Thảo Duyên thống nhất trình bày:*

Hai mẹ con bà có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 325, ngày 19/5/2022 của Tòa án về Bà Trần Thúy N khởi kiện yêu cầu hai mẹ bà trả số tiền hui 167.000.000 đồng.

Hai mẹ con bà thừa nhận có làm chủ ba dây hui theo đúng như lời trình bày của Bà Trần Thúy N đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án số 325, ngày 19/5/2022, ba dây hui này hiện nay đã ngưng lại, chưa mãn và mẹ con bà

còn nợ lại Bà N tổng số tiền hui đã góp vào là 112.210.000 đồng (tiền vốn), còn Bà N yêu cầu 167.000.000 đồng là đã tính lãi hui.

Trước yêu cầu khởi kiện của Bà N, mẹ con bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn góp vào 112.210.000 đồng, nhưng xin trả trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hôm nay.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn Bà Võ Thị Bích T và bà Trương Thị Thảo D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hui đã góp vào là 133.600.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hui với nhau, theo các dây hui mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Bị đơn thừa nhận có làm chủ ba dây hui theo đúng như lời trình bày nguyên đơn, ba dây hui này hiện nay đã ngưng lại, chưa mãn và bị đơn còn nợ tổng số tiền hui đã góp vào là 112.210.000 đồng (tiền vốn), còn số tiền nguyên đơn yêu cầu trả 167.000.000 đồng là đã tính lãi. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Hộ, hội, biểu, phường: *“Hộ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hội đã góp vào là 133.600.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 288, 351, 357, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn liên đới trả số tiền hội 133.600.000 đồng. Bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền nợ trong thời hạn ba tháng, nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý, cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bị đơn phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 133.600.000 đồng x 5% = 6.680.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 288, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thúy N, buộc Bà Võ Thị Bích T và bà Trương Thị Thảo D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà N số tiền hụi 133.600.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.175.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003841, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc Bà T và bà D phải liên đới chịu 6.680.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng